

### CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Điều chỉnh theo Quyết định số: 739/QĐ-ĐHTB-ĐTĐH, ngày 20 tháng 8 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Bắc)

**Trình độ đào tạo:** Đại học  
**Ngành đào tạo:** Sư phạm Lịch sử  
**Mã ngành:** 7140218  
**Loại hình đào tạo:** Chính quy  
**Số tín chỉ:** 135

#### 1. Mục tiêu đào tạo

**1.1. Mục tiêu chung:** Sau khi học xong chương trình, người học đạt trình độ cử nhân về khoa học lịch sử và khoa học giáo dục, có kiến thức sâu rộng về khoa học cơ bản, có kiến thức vững chắc về khoa học giáo dục và biết kết hợp nhuần nhuyễn giữa hai khoa học nói trên để phục vụ tốt cho sự nghiệp đào tạo, đổi mới giáo dục hiện nay.

#### 1.2. Mục tiêu cụ thể.

Đào tạo cử nhân sư phạm lịch sử đạt được các yêu cầu cụ thể sau:

**1.2.1. Về phẩm chất đạo đức:** có phẩm chất cơ bản của người giáo viên nhà trường xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thấm nhuần thế giới quan Mác- Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, có lý tưởng nghề nghiệp, có ý thức trách nhiệm cao, có đạo đức tốt, có tác phong mẫu mực của người giáo viên.

**1.2.2. Về kiến thức:** có kiến thức toàn diện, hệ thống và sâu rộng về tiến trình lịch sử dân tộc và lịch sử nhân loại, đạt trình độ khá giỏi, có thể làm nòng cốt trong công tác giảng dạy lịch sử tại các trường trung học phổ thông, là nguồn cán bộ cho các trường đại học, cao đẳng hoặc làm công tác nghiên cứu tại các viện, các trung tâm nghiên cứu, các cơ quan đoàn thể xã hội cần sử dụng hoặc có liên quan đến các kiến thức lịch sử và giáo dục.

**1.2.3. Về kỹ năng:** có năng lực sư phạm cao để đảm bảo yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra đánh giá kết quả giáo dục, dạy học môn lịch sử ở trường trung học phổ thông, đáp ứng yêu cầu về chất lượng, hiệu quả của sự nghiệp giáo dục. Có kỹ năng tự đổi mới, tự bổ túc, tự nghiên cứu (khoa học cơ bản và khoa học sư phạm) để nâng cao trình độ đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của xã hội.

#### 2. Chuẩn đầu ra

##### 2.1. Về kiến thức

+ Vận dụng và nhận biết được các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác Lê nin; áp dụng được đường lối, quan điểm của Đảng và Nhà nước, tư tưởng Hồ Chí Minh trong công tác và cuộc sống; nhất là tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục.

+ Vận dụng được các kiến thức cơ bản về ngoại ngữ và khoa học xã hội, tin học vào học tập các môn chuyên ngành và công tác.

+ Sinh viên khi ra trường có trình độ ngoại ngữ tương đương trình độ B, có thể sử dụng để khai thác tài liệu tiếng nước ngoài trong học tập, nghiên cứu và học tập ở bậc học cao hơn.

+ Sinh viên khi ra trường có trình độ tin học tương đương trình độ B, biết khai thác và sử dụng các phần mềm thông dụng và các phần mềm chuyên ngành.

+ Có kiến thức toàn diện, hệ thống và sâu rộng về tiến trình lịch sử dân tộc và lịch sử nhân loại, đạt trình độ khá giỏi, có thể làm nòng cốt trong công tác giảng dạy lịch sử tại các trường trung học phổ thông, là nguồn cán bộ cho các trường đại học, cao đẳng.

+ Nắm chắc phương pháp luận nghiên cứu tại các viện, các trung tâm nghiên cứu, các cơ quan đoàn thể xã hội cần sử dụng hoặc có liên quan đến các kiến thức lịch sử và giáo dục.

##### 2.2. Về kỹ năng

### **Kỹ năng cứng**

+ Sử dụng thành thạo các phương pháp dạy học vào dạy học bộ môn ở trường trung học cơ sở, cụ thể là các kỹ năng: thuyết trình, phân tích tổng hợp, đọc bản đồ, sử dụng tài liệu sách giáo khoa, nêu vấn đề và xây dựng câu hỏi phát vấn...

+ Có năng lực và phương pháp sư phạm để thực hiện yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra đánh giá kết quả giáo dục, dạy học môn lịch sử, Giáo dục công dân... ở trường trung học phổ thông đáp ứng yêu cầu về chất lượng, hiệu quả của sự nghiệp giáo dục.

+ Có kỹ năng tự đổi mới, tự học, tự nghiên cứu (khoa học cơ bản và khoa học giáo dục) để nâng cao trình độ đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của xã hội.

### **Kỹ năng mềm**

+ Biết cách tổ chức các hoạt động ngoại khóa theo chủ đề cho học sinh và các hoạt động tham quan học tập, ...

+ Tổ chức được các hoạt động xã hội và giáo dục, hoạt động phong trào (công tác Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh) ở trường trung học phổ thông và các cơ sở giáo dục.

+ Làm tốt công tác chủ nhiệm lớp ở các khối lớp, biết cách xử lý những tình huống sư phạm và học sinh các biệt.

+ Sử dụng thành thạo các phần mềm văn phòng thông dụng và phần mềm dạy học như: Word, Excel, PowerPoint; biết khai thác thông tin trên mạng internet.

### **2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm**

Cử nhân Sư phạm Lịch sử - Trường Đại học Tây Bắc ra trường phải có năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm ở một số vấn đề sau:

+ Về kiến thức, kỹ năng phải đáp ứng được các yêu cầu của nền kinh tế thị trường nói chung, thị trường về nghề nghiệp nói riêng; phải tự liên hệ được việc làm, hoặc tự tạo được việc làm bằng chuyên môn đào tạo hoặc các lĩnh vực khác.

+ Cơ hội tìm kiếm việc làm khi ra trường của sinh viên không chỉ công bằng mà còn có năng lực cạnh tranh cao so với sinh viên ở một số cơ sở đào tạo khác, nhất là tham gia thị trường lao động ở các tỉnh Tây Bắc.

+ Sinh viên Sư phạm Lịch sử - Trường Đại học Tây Bắc khi ra trường ngoài việc đáp ứng yêu cầu của thị trường nghề nghiệp về kiến thức và kỹ năng hành nghề, còn có khả năng học lên ở những bậc học cao hơn, chiếm lĩnh được đỉnh cao của kiến thức và kỹ năng của khoa học kỹ thuật hiện đại, trở thành giảng viên của các trường cao đẳng, đại học trong cả nước.

### **2.4. Về phẩm chất đạo đức**

Người giáo viên lịch sử đòi hỏi phải có phẩm chất cơ bản của người giáo viên xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thấm nhuần thế giới quan Mác- Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, có lý tưởng nghề nghiệp, có ý thức trách nhiệm cao, có đạo đức tốt, có tác phong mẫu mực của người giáo viên.

**3. Khối lượng kiến thức toàn khoá:** 135 tín chỉ (*không tính phần nội dung Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng*).

Khối kiến thức chung:	27 tín chỉ
Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp:	108 tín chỉ
Trong đó:	
Kiến thức cơ sở ngành:	11 tín chỉ
Kiến thức chuyên ngành:	79 tín chỉ
Nghiệp vụ sư phạm và thực tập nghề nghiệp:	11 tín chỉ
Khóa luận tốt nghiệp hoặc học phần tương đương:	07 tín chỉ

**4. Đối tượng tuyển sinh:** Theo quy chế hiện hành của Bộ GD&ĐT về tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy

### **5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp**

- Quy trình đào tạo: Đào tạo theo hệ thống tín chỉ.

- Điều kiện tốt nghiệp: Theo quy định của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ hiện hành.

**6. Thang điểm:** Thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ

**7. Nội dung chương trình:**

T T	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Loại tiết tín chỉ				Học phần tiên quyết
				Lên lớp		TS tiết (x hệ số)	Tự học	
				L T	T H			
<b>7.1. Khối kiến thức chung</b>			<b>27</b>	(không kể GDTC và GDQP)				
<b>Bắt buộc</b>			<b>25</b>					
1	LNL0001	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin	5	65	10	85	150	
2	LTU0001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	25	5	35	60	LNL0001
3	LDL0001	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	40	5	50	90	LTU0001
4	LPL0001	Pháp luật đại cương	2	25	5	35	60	
5	NTA0001	Tiếng Anh 1	5	75		75	150	
6	NTA0002	Tiếng Anh 2	5	75		75	150	NTA0001
7	TTH0002	Tin học cơ sở	3	30	15	60	135	
8	GDQ0001	Giáo dục quốc phòng				165		
9	GDT0001	Giáo dục thể chất 1	1	5	10	25	90	
10	GDT0002	Giáo dục thể chất 2	2		30	60	90	GDT0001
<b>Tự chọn 1</b>			<b>2</b>	SV chọn 1 trong các học phần sau				
11	VNN0002	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	25	5	35	70	
	SVH0001	Văn hóa Tây Bắc	2	27	3	33	60	
	VTV0008	Tiếng Việt thực hành	2	25	5	35	70	
	TTH0002	Tin học nâng cao	2	20	10	40	90	TTH0002
<b>7.2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>			<b>10</b>					
<b>7.2.1. Kiến thức cơ sở ngành</b>			<b>11</b>					
<b>Bắt buộc</b>			<b>9</b>					
12	TLG0001	Tâm lý học	3	37	8	53	90	
13	TLG0002	Giáo dục học	4	55	5	65	120	TLG0001
14	QLN0001	Quản lý hành chính nhà nước và Quản lý ngành GD&ĐT	2	28	2	32	90	
<b>Tự chọn 2</b>			<b>2</b>	SV chọn học 1 trong các học phần sau				
15	TLG0003	Giao tiếp sư phạm	2	20	10	40	60	TLG0001

16	KHH0001	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	24	6	36	60	
<b>7.2.2. Kiến thức chuyên ngành</b>			<b>79</b>					
<b>7.2.2.1. Kiến thức chung của ngành</b>			<b>43</b>					
<b>Bắt buộc</b>			<b>40</b>					
17	SCN0001	Những vấn đề chung của khoa học Lịch sử	4	60		60	120	
18	SCN0002	Lịch sử văn minh thế giới	3	45		45	90	
19	SVN0003	Dân tộc học và Lịch sử địa phương	3	45		45	90	
20	STG0004	Lịch sử thế giới cổ - trung đại	5	75		75	150	
21	STG0005	Lịch sử thế giới cận đại	5	75		75	150	STG0004
22	STG0006	Lịch sử thế giới hiện đại	5	75		75	150	STG0005
23	SVN0007	Lịch sử Việt Nam cổ - trung đại	5	75		75	150	
24	SVN0008	Lịch sử Việt Nam cận đại	5	75		75	150	SVN0007
25	SVN0009	Lịch sử Việt Nam hiện đại	5	75		75	150	SVN0008
<b>Tự chọn 3</b>			<b>3</b>	SV chọn học 1 trong các học phần sau				
26	SVN0010	Vấn đề ruộng đất trong xã hội phong kiến Việt Nam	3	45		45	90	SVN0007
	SVN0011	Chủ nghĩa yêu nước Việt Nam trong lịch sử	3	45		45	90	SVN0007
<b>7.2.2.2. Kiến thức chuyên sâu của ngành</b>			<b>36</b>					
<b>Bắt buộc</b>			<b>29</b>					
27	SVN0012	Sự lựa chọn con đường cứu nước ở Việt Nam đầu thế kỷ XX	3	45		45	90	SVN0008
28	SVN0013	Các cuộc cải cách trong lịch sử và Công cuộc đổi mới ở Việt Nam từ 1986 đến nay	4	60		60	120	SVN0009
29	STG0014	Lịch sử CNXH và phong trào giải phóng dân tộc	5	75		75	150	STG0005
30	STG0015	Lịch sử chủ nghĩa tư bản và quan hệ quốc tế	5	75		75	150	STG0005
31	SVN0016	Thực tế chuyên môn	2	5	50	30	60	SVN0009
32	SPP0017	Lí luận dạy học lịch sử	3	35	10	55	90	STG0005
33	SPP0018	Hệ thống các phương pháp dạy học lịch sử ở trường THPT	3	30	15	60	90	SPP0017
34	SPP0019	Các hình thức dạy học lịch sử ở trường THPT	4	30	30	90	120	SPP0018
<b>Tự chọn 4</b>			<b>7</b>	SV chọn học 1 trong các học phần sau				
35	STG0020	Lịch sử Đông Nam Á	4	60		60	120	STG0005
	STG0021	Một số vấn đề về tôn giáo	4	60		60	120	STG0005

36	SPP0022	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học lịch sử	3	30	15	60	90	SPP0019
	SPP0023	Kỹ thuật dạy học bộ môn Lịch sử	3	30	15	60	90	SPP0019
<b>7.2.3. NVSP và thực tập nghề nghiệp</b>			<b>11</b>					
37	SPP0023	Rèn luyện nghiệp vụ thường xuyên 1	2	5	25	55	60	SPP0019
38	SPP0024	Rèn luyện nghiệp vụ thường xuyên 2	2	5	25	55	60	SPP0019
39	NVS0005	Thực tập sư phạm 1	2		30	60	60	
40	NVS0006	Thực tập sư phạm 2	5		75	150	150	
<b>7.2.4. Khóa luận tốt nghiệp hoặc tương đương</b>			<b>7</b>					
	KLT0001	Khóa luận tốt nghiệp	7					
<b>Tự chọn</b>			7	Sinh viên không làm khóa luận chọn học 1 trong 2 nhóm học phần:				
41	SVN0024	Một số vấn đề cơ bản của lịch sử VN	3	45		45	90	SVN0009
	STG0025	Một số vấn đề cơ bản lịch sử thế giới	2	30		30	60	STG0006
	SPP0027	Sử dụng Graph trong dạy học lịch sử	2	20	10	40	60	SPP0019
42	STG0028	Phong trào GPDT ở châu Á cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX	2	30		30	60	STG0006
	NTA0003	Tiếng Anh 3	5	75		75	150	NTA0002

## 8. Dự kiến kế hoạch đào tạo:

### 8.1. Dự kiến kế hoạch đào tạo (4 năm):

Học kỳ	Tên học phần	Số đvtc	Số tiết chuẩn
<b>I</b>	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin	5	75
	Tiếng Anh 1	5	75
	Tâm lý học	3	45
	Pháp luật đại cương	2	30
	Tin học cơ sở	3	45
	<b>SỐ ĐVTTC</b>	<b>18</b>	
<b>II</b>	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30
	Tự chọn 1	2	30
	Tiếng Anh 2	5	75
	Giáo dục học	4	60
	Giáo dục thể chất 1	1	15
	Lịch sử thế giới cổ - trung đại	5	75
<b>SỐ ĐVTTC</b>	<b>19</b>		
<b>III</b>	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	45
	Lịch sử Việt Nam cổ - trung đại	5	75

	Lịch sử thế giới cận đại	5	75
	Lí luận dạy học lịch sử	3	45
	Giáo dục thể chất 2	2	30
	<b>Số ĐVTC</b>	<b>18</b>	
<b>IV</b>	Lịch sử thế giới hiện đại	5	75
	Lịch sử Việt Nam cận đại	5	75
	Những vấn đề chung của khoa học Lịch sử	4	60
	Hệ thống các phương pháp dạy học lịch sử ở trường THPT	3	45
	Rèn luyện NVSP thường xuyên 1	2	30
	<b>Số ĐVTC</b>	<b>19</b>	
<b>V</b>	Lịch sử Việt Nam hiện đại	5	75
	Lịch sử văn minh thế giới	3	45
	Tự chọn 2	2	30
	Dân tộc học và Lịch sử địa phương	3	45
	Các hình thức dạy học lịch sử ở trường THPT	4	60
	Rèn luyện nghiệp vụ thường xuyên 2	2	30
	<b>Số ĐVTC</b>	<b>19</b>	
<b>VI</b>	Lịch sử chủ nghĩa tư bản và quan hệ quốc tế	5	75
	Các cuộc cải cách trong lịch sử và Công cuộc đổi mới ở Việt Nam từ 1986 đến nay	4	60
	Tự chọn 4	4	60
	Thực tế chuyên môn	2	30
	Thực tập sư phạm 1	2	90
	<b>Số ĐVTC</b>	<b>17</b>	
<b>VII</b>	Quản lý hành chính nhà nước và Quản lý ngành GD&ĐT	2	30
	Tự chọn 3	3	45
	Tự chọn 4	3	45
	Sự lựa chọn con đường cứu nước ở Việt Nam đầu thế kỷ XX	3	45
	Lịch sử CNXH và phong trào giải phóng dân tộc	5	75
	Khóa luận (hoặc các học phần tương đương)	7	105
	<b>Số ĐVTC</b>	<b>23</b>	
<b>VIII</b>	Thực tập sư phạm 2	5	225
	<b>Số ĐVTC</b>	<b>5</b>	

### 8.2. Dự kiến kế hoạch đào tạo (3 năm):

Học kỳ	Tên học phần	Số đvtc	Số tiết chuẩn
<b>I</b>	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin	5	75

	Tiếng Anh 1	5	75
	Tâm lý học	3	45
	Pháp luật đại cương	2	30
	Tin học cơ sở	3	45
	<b>Số ĐVTC</b>	<b>18</b>	
<b>II</b>	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30
	Tiếng Anh 2	5	75
	Giáo dục học	4	60
	Giáo dục thể chất 1	1	15
	Lịch sử thế giới cổ - trung đại	5	75
	Lịch sử Việt Nam cổ - trung đại	5	75
	<b>Số ĐVTC</b>	<b>22</b>	
<b>HK phụ</b>	Lịch sử văn minh thế giới	3	45
	Lịch sử CNXH và phong trào giải phóng dân tộc	5	75
	<b>Số ĐVTC</b>	<b>8</b>	
<b>III</b>	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	45
	Giáo dục thể chất 2	2	30
	Những vấn đề chung của khoa học Lịch sử	4	60
	Lịch sử thế giới cận đại	5	75
	Lịch sử Việt Nam cận đại	5	75
	Lí luận dạy học lịch sử	3	45
	Tự chọn 2	2	30
	<b>Số ĐVTC</b>	<b>24</b>	
<b>IV</b>	Lịch sử thế giới hiện đại	5	75
	Lịch sử Việt Nam hiện đại	5	75
	Lịch sử chủ nghĩa tư bản và quan hệ quốc tế	5	75
	Hệ thống các PPDH lịch sử	3	45
	Tự chọn 1	2	30
	Rèn luyện nghiệp vụ thường xuyên 1	2	30
	<b>Số ĐVTC</b>	<b>22</b>	
<b>HK phụ</b>	Dân tộc học và Lịch sử địa phương	3	45
	Tự chọn 4	3	45
	Thực tế chuyên môn	2	30
	<b>Số ĐVTC</b>	<b>8</b>	
<b>V</b>	Các hình thức dạy học lịch sử ở trường THPT	4	60

	Tự chọn 4	4	60
	Sự lựa chọn con đường cứu nước ở Việt Nam đầu thế kỷ XX	3	45
	Tự chọn 3	3	45
	Rèn luyện nghiệp vụ thường xuyên 2	2	30
	Thực tập sư phạm 1	2	90
	Các cuộc cải cách trong lịch sử và Công cuộc đổi mới ở Việt Nam từ 1986 đến nay	4	60
	<b>SỐ ĐVTC</b>	<b>22</b>	
<b>VI</b>	Quản lý hành chính nhà nước và Quản lý ngành GD&ĐT	2	30
	Thực tập sư phạm 2	5	225
	Khóa luận (hoặc các học phần tương đương)	7	105
	<b>SỐ ĐVTC</b>	<b>14</b>	

### 9. Hướng dẫn thực hiện chương trình

Quá trình thực hiện chương trình căn cứ vào quy chế hiện hành của Bộ GD&ĐT về đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, đồng thời căn cứ vào những quy định hiện hành của Trường Đại học Tây Bắc và Bộ Giáo dục và Đào tạo để thực hiện chương trình.

Đối với chương trình chi tiết của từng học phần, quá trình thực hiện có thể được đổi mới theo hướng đem lại hiệu quả cao trong đào tạo. Sự thay đổi này phải được thông qua Bộ môn, Khoa và được Ban Giám hiệu phê duyệt.

Đối với chương trình học vượt (3 năm), sinh viên sẽ có 2 kỳ học phụ, mỗi học kỳ học phụ các em sẽ học thêm từ 5 đến 7 tín chỉ.

**TRƯỞNG KHOA**

(Đã ký)

**TS. Phạm Văn Lực**

**HIỆU TRƯỞNG**

(Ký tên, đóng dấu)

(Đã ký)

**TS. Đinh Thanh Tâm**



## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

**1. Tên học phần:** Những vấn đề chung của khoa học Lịch sử (*Mã học phần: SCN0001*)

**2. Số tín chỉ:** 04 tín chỉ

**3. Thông tin về học phần**

3.1. Điều kiện tiên quyết: không

3.2. Loại học phần: bắt buộc

**4. Phân bố thời gian:**

4.1. Lý thuyết: 60 tiết

4.2. Thực hành:

**5. Mục tiêu của học phần.** Học phần này nhằm:

- Giúp sinh viên nắm vững và có những hiểu biết tương đối hệ thống những kiến thức cơ bản về khoa học Lịch sử; Đối tượng, nhiệm vụ, chức năng, phương pháp luận, phương pháp nghiên cứu của khoa học Lịch sử; Sơ lược lịch sử hình thành và phát triển của khoa học Lịch sử; Một số vấn đề liên quan đến công tác sử liệu học; Một số vấn đề về Khảo cổ học...;

- Giúp sinh viên vận dụng những kiến thức đã học vào nghiên cứu, xem xét các sự kiện, quá trình lịch sử trên cơ sở quan điểm sử học mácxít – lêninnít. Vận dụng quan điểm phương pháp luận, phương pháp nghiên cứu trong học tập và nghiên cứu chuyên ngành, giảng dạy bộ môn. Biết cách xác định chính xác thời gian và lịch pháp, cách tính niên đại, chuyên đổi lịch pháp trong học tập, nghiên cứu và giảng dạy. Biết cách thực hiện nghiên cứu một đề tài khoa học Lịch sử;

- Những hiểu biết và kỹ năng đó đặt cơ sở đầu tiên để sinh viên đi sâu vào các môn học (các học phần) có trong chương trình đào tạo của chuyên ngành Sư phạm Lịch sử;

- Sinh viên nhận thức đúng về khoa học Lịch sử, chuyên ngành đào tạo, có thái độ trân trọng đối với khoa học, bộ môn giảng dạy; hình thành niềm đam mê nghề nghiệp, say mê nghiên cứu khoa học Lịch sử.

**6. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:**

Học phần có những nội dung chính sau:

- Phần thứ nhất. Những vấn đề chung của khoa học Lịch sử: đối tượng chức năng, nhiệm vụ của khoa học Lịch sử; Lịch sử là một khoa học...;

- Phần thứ hai. Một số quan điểm cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử được vận dụng vào giảng dạy học tập và nghiên cứu lịch sử; tính đảng và tính khoa học...;

- Phương pháp nghiên cứu khoa học lịch sử;

- Lịch sử hình thành và phát triển của khoa học Lịch sử, các trường phái Sử học;

- Một số vấn đề về công tác sử liệu trong nghiên cứu Sử học;

- Một số vấn đề Khảo cổ học

**7. Thông tin về giảng viên:**

7.1. Họ và tên: Nguyễn Quốc Pháp; số ĐT: 0914420329

7.2. Họ và tên: Chu Thị Mai Hương; số điện thoại: 0908008888

**8. Nhiệm vụ của người học:**

- Đảm bảo thời gian lên lớp và tự học ở nhà theo quy định

- Tích cực nghe giảng, ghi chép và trao đổi với giảng viên, bạn bè những nội dung của môn học.

- Làm bài tập đầy đủ; tự ôn và thi theo hướng dẫn của giảng viên

**9. Quy định đánh giá người học**

Điểm học phần gồm: Điểm bộ phận + Điểm thi kết thúc học phần.

+ Điểm bộ phận (bao gồm: điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; điểm đánh giá nhận thức và thái độ; điểm đánh giá phần thực hành; điểm chuyên cần; điểm thi giữa học phần;...: **có trọng số 50% điểm học phần**

+ Điểm thi kết thúc học phần: **có trọng số 50% điểm học phần**

**10. Điều kiện dự thi kết thúc học phần:**

Sinh viên được dự thi kết thúc học phần nếu đạt các điều kiện sau: